

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số
35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 4); Báo
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 4), điều chỉnh giảm 414.077 triệu đồng, điều chỉnh tăng 1.200.406 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Bổ sung nguồn thu vượt ngân sách năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2023: Điều chỉnh tăng 710.764 triệu đồng.
2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương: Điều chỉnh giảm 387.774 triệu đồng, điều chỉnh tăng 437.774 triệu đồng.
3. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: Điều chỉnh giảm 26.303 triệu đồng, điều chỉnh tăng 51.563 triệu đồng.
4. Điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Điều chỉnh tăng 305 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 15 thông qua và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 4 năm 2023. / *gks*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Cục Quản trị II;
- Văn phòng Chính phủ (HIN - TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *th*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (NGUỒN THU VƯỢT NGÂN SÁCH NĂM 2022 VÀ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023)

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

	 Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP		Thu vượt trong cân đối 2022	Thu vượt XSKT 2022	Thu vượt tiền sử dụng đất 2022	Nguồn vốn XSKT 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2023	
	TỔNG SỐ			1.772.213	840.839	710.764	26.708	153.349	230.707	100.000	200.000	
a	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hỗ trợ vốn sản xuất đối với hộ gia đình người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh					7.000	7.000					
b	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phòng, chống tội phạm tỉnh					1.000	1.000					
c	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh giai đoạn 2021 - 2025					200	200					
d	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					20.000					20.000	
đ	Bổ trí vốn đối ứng các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)					15.613			15.613			
e	Vốn chuẩn bị đầu tư					1.000				1.000		
g	Chuyển đổi số các sở, ngành tỉnh					16.508	16.508					
h	Dự án chưa đủ điều kiện giao vốn chi tiết					141.550					141.550	
i	Vốn thực hiện dự án			1.772.213	840.839	507.893	2.000	153.349	215.094	99.000	38.450	
*	Cấp Tỉnh quản lý			1.235.692	304.318	269.984	2.000	88.990	51.418	89.126	38.450	
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh			183.990	167.616	167.616	-	88.990	-	78.626	-	
I	Xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào Khmer tại Chùa ấp 4, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2021-2023	219/QĐ-UBND, 04/02/2021	45.000	28.626	28.626				28.626		

	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP		Thu vượt trong cân đối 2022	Thu vượt XSKT 2022	Thu vượt tiền sử dụng đất 2022	Nguồn vốn XSKT 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2023	
2	Trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh	2023 - 2025	685/QĐ-UBND, 24/4/2023	50.000	50.000	50.000				50.000		
3	Xây mới và nâng cấp, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang	2023 - 2025	661/QĐ-UBND, 24/4/2023	44.990	44.990	44.990		44.990				
4	Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	2023 - 2025	669/QĐ-UBND, 24/4/2023	44.000	44.000	44.000		44.000				
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh			797.918	32.918	32.918	-	-	32.918	-	-	
1	Đường tỉnh 927C (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Nam Sông Hậu)	2017-2020	499/QĐ-UBND, 28/3/2017	797.918	32.918	32.918			32.918			
III	Công an tỉnh			19.500	19.500	19.500	-	-	-	10.500	9.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp Công an các xã: Vị Thủy, Thuận Hòa, Hòa An, Trường Long Tây, Trường Long A, Phương Bình, Tân Bình, Tân Long	2023 - 2025	644/QĐ-UBND, 24/4/2023	8.000	8.000	8.000				8.000		
2	Sửa chữa, nâng cấp Công an các xã: Vĩnh Thuận Tây, Tân Phú, Hòa Lựu, Hòa Tiến, Vị Tân, Nhơn Nghĩa A, Tân Phú Thạnh, Phú Tân, Đại Thành, Tân Thành	2023 - 2025	643/QĐ-UBND, 24/4/2023	9.000	9.000	9.000					9.000	
3	Sửa chữa, nâng cấp Công an phường I, thành phố Vị Thanh	2023 - 2025	642/QĐ-UBND, 24/4/2023	2.500	2.500	2.500				2.500		
IV	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh			2.000	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	
1	Đầu tư lắp đặt đường truyền tổ chức phiên tòa trực tuyến	2023 - 2025	693/QĐ-UBND, 24/4/2023	2.000	2.000	2.000	2.000					
V	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh			52.834	52.834	18.500	-	-	18.500	-	-	
1	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	2022 - 2024	1249/QĐ-UBND, 05/7/2022	13.550	13.550	4.650			4.650			

	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP		Thu vượt trong cân đối 2022	Thu vượt XSKT 2022	Thu vượt tiền sử dụng đất 2022	Nguồn vốn XSKT 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2023	
2	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn mới Phú Khởi, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp	2022 - 2024	1248/QĐ-UBND, 05/7/2022	39.284	39.284	13.850			13.850			
VI	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			179.450	29.450	29.450	-	-	-	-	29.450	
I	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ khu công nghiệp Sông Hậu	2022-2025	50/QĐ-UBND, 10/01/2022	179.450	29.450	29.450					29.450	
**	Cấp Huyện quản lý			536.521	536.521	237.909	-	64.359	163.676	9.874	-	
I	UBND thành phố Vị Thanh			141.374	141.374	52.282	-	6.000	40.882	5.400	-	
I	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			8.476	8.476	8.476			8.476			
2	Khu tái định cư - dân cư Khu hành chính Tỉnh ủy (giai đoạn 3)	2022-2024	2315/QĐ-UBND, 01/12/2021	44.998	44.998	25.906			25.906			
3	Mở rộng Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh	2022-2024	660/QĐ-UBND, 31/3/2022	56.500	56.500	6.500			6.500			
4	Kè gia cố và nâng cấp mặt đê Xà No đoạn từ cầu 6 Thước đến cầu Ba Voi	2022-2024	662/QĐ-UBND, 31/3/2022	25.400	25.400	5.400				5.400		
5	Xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Thạnh An, ấp Thạnh Hòa 2, ấp Thạnh Thắng, ấp Thạnh Quới 2, xã Hòa Tiến	2023 - 2025	667/QĐ-UBND, 24/4/2023	6.000	6.000	6.000		6.000				
II	UBND thành phố Ngã Bảy			26.983	26.983	26.983	-	7.000	15.509	4.474	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			15.509	15.509	15.509			15.509			
2	Nâng cấp mở rộng lộ từ Ngã tư Tân Thành đến kênh chữ T	2023 - 2025	660/QĐ-UBND, 24/4/2023	4.474	4.474	4.474				4.474		
3	Lộ Ba Ngán bờ phải, xã Đại Thành	2023 - 2025	659/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.000	1.000	1.000		1.000				
4	Nâng cấp sửa chữa lộ từ Tám Cơ đến đập Năm Nam, xã Đại Thành	2023 - 2025	658/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.150	1.150	1.150		1.150				
5	Kè Mang Cá, xã Đại Thành	2023 - 2025	683/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.126	1.126	1.126		1.126				
6	Xây mới NVH ấp Sơn Phú 2A, xã Tân Thành	2023 - 2025	666/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.400	1.400	1.400		1.400				
7	NCSC trung tâm văn hóa xã Tân Thành	2023 - 2025	665/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.100	1.100	1.100		1.100				



	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP		Thu vượt trong cân đối 2022	Thu vượt XSKT 2022	Thu vượt tiền sử dụng đất 2022	Nguồn vốn XSKT 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2023	
8	NCSC các nhà văn hóa xã Tân Thành	2023 - 2025	662/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.224	1.224	1.224		1.224				
III	UBND thị xã Long Mỹ			18.514	18.514	18.514	-	10.000	8.514	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			8.514	8.514	8.514			8.514			
2	Tuyến GTNT Ngã 5 Trụ Đá đến giáp Trà Lồng, xã Tân Phú	2023 - 2025	657/QĐ-UBND, 24/4/2023	7.000	7.000	7.000		7.000				
3	Tuyến GTNT gach Trà Lồng (Từ út Tuyết - 8 Cát), xã Tân Phú	2023 - 2025	656/QĐ-UBND, 24/4/2023	3.000	3.000	3.000		3.000				
IV	UBND huyện Long Mỹ			7.767	7.767	7.767	-	6.000	1.767	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			1.767	1.767	1.767			1.767			
2	Tuyến đường từ Chợ xã đến cầu kênh Đồn áp 4 và áp 6, xã vĩnh Thuận đông	2023 - 2025	655/QĐ-UBND, 24/4/2023	6.000	6.000	6.000		6.000				
V	UBND huyện Vị Thủy			10.655	10.655	10.655	-	6.000	4.655	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			4.655	4.655	4.655			4.655			
2	Nâng cấp, mở rộng đường kênh 9 Thước (Nam Xã No), xã Vị Thanh	2023 - 2025	652/QĐ-UBND, 24/4/2023	6.000	6.000	6.000		6.000				
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			32.519	32.519	32.519	-	8.000	24.519	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			24.519	24.519	24.519			24.519			
2	Nhà văn hóa ấp Long Phụng A, xã Hiệp Hưng	2023 - 2025	663/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.400	1.400	1.400		1.400				
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Quyết Thắng, xã Hiệp Hưng	2023 - 2025	664/QĐ-UBND, 24/4/2023	1.600	1.600	1.600		1.600				
4	Tuyến đường từ TT xã Thạnh Hòa đến Cầu Tư Sang, giáp Tỉnh lộ 928	2023 - 2025	651/QĐ-UBND, 24/4/2023	5.000	5.000	5.000		5.000				
VII	UBND huyện Châu Thành			258.695	258.695	49.175	-	11.359	37.816	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			12.423	12.423	12.423			12.423			
2	Đường nối thị trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu	2021-2024	754/QĐ-UBND, 23/4/2021; 24/NQ-HĐND, 29/8/2022	234.913	234.913	25.393			25.393			
3	Tuyến GTNT Kênh Nhỏ Dài, ấp Phú Trí B1, xã Phú Hữu	2023 - 2025	650/QĐ-UBND, 24/4/2023	3.000	3.000	3.000		3.000				
4	Tuyến GTNT Kênh Nhỏ Dài, ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu	2023 - 2025	649/QĐ-UBND, 24/4/2023	8.359	8.359	8.359		8.359				

	Danh mục	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP		Thu vượt trong cân đối 2022	Thu vượt XSKT 2022	Thu vượt tiền sử dụng đất 2022	Nguồn vốn XSKT 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất 2023	
VIII	UBND huyện Châu Thành A			40.014	40.014	40.014	-	10.000	30.014	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022			30.014	30.014	30.014			30.014			
2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn ấp Trầu Hôi và Trầu Hôi A (đoạn còn lại)	2023 - 2025	648/QĐ-UBND, 24/4/2023	3.000	3.000	3.000		3.000				
3	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thạnh Xuân (Tuyến So Đũa Lớn từ nhà máy nước đến Khu di tích và Tuyến Xẻo Cao từ nhà ông Tấn đến cầu Tầm Vu)	2023 - 2025	647/QĐ-UBND, 24/4/2023	3.000	3.000	3.000		3.000				
4	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn tuyến Xẻo Cao A (Từ nhà ông Thích đến cầu Láng Hầm)	2023 - 2025	646/QĐ-UBND, 24/4/2023	4.000	4.000	4.000		4.000				



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025										Tổng KẾ hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo chính, hỗ trợ										Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng KẾ hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Trong đó:			Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu hỗ tạm ứng ngân sách tỉnh		Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu hỗ tạm ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			CDNS	Tiền sử dụng đất	NSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020					Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020			
2	Cải tạo khu vực II, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy	2023	2025	515/QĐ-UBND, 12/04/2023	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
	UBND thị xã Long Mỹ				6.295	2.148	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.148	2.148	-	2.148	-	-	-	-	-	-	-	2.148	-	-
3	Cải tạo Thành, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2022	2024	1926/QĐ-UBND, 19/11/2022	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
4	Đường Vĩnh Tường (Đường Kinh Cấy Giàn) Đường V33AF 19	2023	2023	2200/QĐ-UBND, 28/12/2022	493	248	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	248	248	-	248	-	-	-	-	-	-	-	248	-	-
	Tuyến đường kinh nông Núi Mầu II, thị xã Long Mỹ	2023	2023	335/QĐ-UBND, 06/03/2023	4.800	1.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.400	1.400	-	1.400	-	-	-	-	-	-	-	1.400	-	-
	UBND huyện Long Mỹ				2.000	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-
6	Cải tạo thôn Tô Ma, xã Lương Tân, huyện Long Mỹ	2022	2024	1591/QĐ-UBND, 15/9/2022	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
7	Cải tạo thôn Cái Nhỏ (cấp sông Nước Dục), huyện Long Mỹ	2023	2025	337/QĐ-UBND, 08/03/2023	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
	UBND huyện Phụng Hiệp				5.457	2.885	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.885	2.885	-	2.885	-	-	-	-	-	-	-	2.885	-	-
8	Cải tạo Phường	2023	2023	2201/QĐ-UBND, 28/12/2022	258	129	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129	129	-	129	-	-	-	-	-	-	-	129	-	-
9	Cải tạo Năm Sơn	2023	2023	2201/QĐ-UBND, 28/12/2022	258	129	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129	129	-	129	-	-	-	-	-	-	-	129	-	-
10	Cải tạo Hải Bình	2023	2023	2201/QĐ-UBND, 28/12/2022	213	107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	107	107	-	107	-	-	-	-	-	-	-	107	-	-
11	Cải tạo Kinh Lâm Trường, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp	2022	2024	1396/QĐ-UBND, 16/5/2022	1.020	520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	520	520	-	520	-	-	-	-	-	-	-	520	-	-
12	Cải tạo Rạch Cù, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp	2022	2024	1594/QĐ-UBND, 16/9/2022	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
13	02 phòng học mới cho Trường Tiểu học Hòa An	2023	2023	2202/QĐ-UBND, 26/12/2022	999	649	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	649	649	-	649	-	-	-	-	-	-	-	649	-	-
14	Hỗ trợ xây dựng Cầu Ấp 8 Hòa An	2023	2023	202/QĐ-UBND, 14/02/2023	598	299	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	299	299	-	299	-	-	-	-	-	-	-	299	-	-
15	Trường tiểu học Phương Phi 2, điểm Bình Hòa, xã Phương Phi, huyện Phụng Hiệp. Hàng mục: 02 phòng học, toilet bệ	2022	2024	220/QĐ-SKHĐT ngày 01/11/2022	1.102	543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	543	543	-	543	-	-	-	-	-	-	-	543	-	-
	UBND huyện Châu Thành				3.899	1.099	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.099	1.099	-	1.099	-	-	-	-	-	-	-	1.099	-	-
16	Cải tạo giao thông nông thôn chủ yếu kênh đường Gã, xã Phú Tân, huyện Châu Thành	2023	2025	533-QĐ-UBND, 04/04/2023	2.100	600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	600	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-	600	-	-
17	Cải tạo giao thông nông thôn (Ông Huân), xã Dâng Thạnh	2022	2024	1492-QĐ-UBND, 03/10/2022	999	499	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	499	499	-	499	-	-	-	-	-	-	-	499	-	-
	UBND huyện Châu Thành A				1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
18	Cải tạo Trường Học, ấp Lăng Hầm B, thị trấn Rạch Gié, huyện Châu Thành A	2022	2024	1590/QĐ-UBND, 15/9/2022	1.000	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	500	-	500	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
d	Dự án xây dựng chỉnh quyên diện tích				225.500	225.500	222.839	222.839	222.839	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	158.839	-	-
	Sơ Thông tin và Truyền thông				225.500	225.500	222.839	222.839	222.839	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	158.839	-	-
	Dự án khởi công một trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				225.500	225.500	222.839	222.839	222.839	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	158.839	-	-
1	Xây dựng Chính quyền điện tử và Đồ án chỉnh quyên tích Hội Giang giai đoạn 2021 - 2025	2021	2024	17/NQ-HĐND, 11/5/2021	225.500	225.500	222.839	222.839	222.839	-	-	-	-	-	-	-	64.000	64.000	64.000	-	-	-	-	-	-	-	-	158.839	-	-
	Bổ trợ vốn các dự án Xây dựng chỉnh quyên diện tích và Đồ án chỉnh minh tích Hội Giang giai đoạn 2021 - 2025				161.500	161.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	161.500	161.500	161.500	-	-	-	-	-	-	-	-	161.500	-	-
	Sơ Thông tin và Truyền thông				51.000	51.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.000	51.000	51.000	-	-	-	-	-	-	-	-	51.000	-	-
1	Hệ thống các thiết bị phục vụ cho đô thị thông minh	2023	2025	576-QĐ-UBND, 11/4/2023	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	-	-
2	Nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số, xã hội số của tỉnh	2023	2025	575-QĐ-UBND, 11/4/2023	8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.000	8.000	8.000	-	-	-	-	-	-	-	-	8.000	-	-
3	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh	2023	2025	574-QĐ-UBND, 11/4/2023	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	-	-
4	Nâng cấp hệ thống dữ liệu mô (Open Data)	2024	2025	645-QĐ-UBND ngày 24/4/2023	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	3.000	-	-
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				8.500	8.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.500	8.500	8.500	-	-	-	-	-	-	-	-	8.500	-	-
5	Truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin trong Hội Chữ đỏ Quận sự tỉnh (Hệ thống giao ban trực tuyến, phần mềm hoạt động cơ quan quân sự và hệ thống camera giám sát an ninh)	2023	2025	333-QĐ-UBND, 08/3/2023	8.500	8.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.500	8.500	8.500	-	-	-	-	-	-	-	-	8.500	-	-
	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	-	-

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025												Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung												Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó			Trong đó			Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2021	Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2021	Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2022							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó NSDP	CBNS	Tiền sử dụng đất	NSKT	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020					CBNS	Tiền sử dụng đất	NSKT		Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020											
6	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	2023	2025	557/QĐ-UBND, 05/04/2023	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000		
	Sở Tài nguyên và Môi trường				15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000		
7	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường	2023	2025	319/QĐ-UBND, 02/3/2023	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000		
	Ban Dân tộc				2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000		
8	Nhà dựng hệ thống thông tin số liên xã công tác dân tộc tỉnh Hậu Giang	2023	2025	334/QĐ-UBND, 08/03/2023	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000		
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000		
9	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành lao động - thương binh và xã hội	2023	2025	251/QĐ-UBND, 23/02/2023	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000		
	Sở Y tế				15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000		
10	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành y tế tỉnh Hậu Giang	2023	2025	250/QĐ-UBND, 21/02/2023	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000		
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000		
11	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành du lịch tỉnh Hậu Giang	2023	2025	276/QĐ-UBND, 24/02/2023	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000		
	Sở Xây dựng				5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000		
12	Nhà dựng các ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị	2023	2025	314/QĐ-UBND, 02/03/2023	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000		
	Sở Nội vụ				30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000		
13	Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ	2023	2025	313/QĐ-UBND, 02/03/2023	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000		
d	Điều chỉnh, bổ sung các đơn vị				4.587.958	2.386.295	1.000.451	941.556	210.040	1.480	630.036	15.426	10.851	4.575	9.135	862	8.273	34.334	997.790	938.895	307.379	1.480	630.036	15.426	10.851	4.575	9.135	862	8.273	34.334	75.610	76.949	
*	CẤP TỈNH QUẢN LÝ				3.401.026	1.501.858	398.728	360.727	29.846	-	333.881	667	652	15	-	-	34.334	391.876	356.875	29.000	-	327.755	667	652	15	-	-	-	-	34.334	13.497	6.645	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và công nghiệp tỉnh				1.370.879	231.319	7.074	1.074	7.074	-	-	-	-	-	-	8.330	8.330	8.330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.256		
	Dự án khãn công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				183.193	74.794	7.074	1.074	7.074	-	-	-	-	-	-	7.127	7.127	7.127	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53		
1	Nhà dựng Hồ chứa nước ngọt tỉnh Hậu Giang	2018	2020	1638/QĐ-UBND, 26/10/2018, 1776/QĐ-UBND, 19/10/2020	183.193	74.794	7.074	1.074	7.074	-	-	-	-	-	-	7.127	7.127	7.127	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53	Chưa trả báo thường	
	Dự án bổ sung trong hạn giải đoạn 2021 - 2025				1.187.686	156.525	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.203	1.203	1.203	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.203		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				1.187.686	156.525	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.203	1.203	1.203	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.203		
1	Tuyến OT Bồn Tổng - Mối Ngàn (đoạn tiếp địa bàn tỉnh Hậu Giang)	2006	2012	1656/QĐ-UBND, 7/8/2006; 1873/QĐ-UBND, 18/7/2009; 2205/QĐ-UBND, 02/11/2012	374.272	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	30	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	Tất toán tài khoản	
2	Đường tỉnh 931 (đoạn từ thị trấn Long Mỹ - cầu Trà Bàn)	2001	2007	680/QĐ-CT, UBND, 04/4/2005	49.378	49.378	-	-	-	-	-	-	-	-	-	313	313	313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	313	Tất toán tài khoản	
3	Đường nội ô TT Núi Mầu, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang	2006	2019	753/QĐ-UBND, 17/3/2006; 678/QĐ-UBND, 24/4/2016; 1167/QĐ-UBND, 26/9/2017	47.477	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	6	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	Tất toán tài khoản	
4	Đường ô tô về TT xã Tân Thuận Tân Hòa Vĩ Bình, huyện Châu Thành A và huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang	2006	2015	1871/QĐ-UBND, 13/9/2006; 3259/QĐ-UBND, 9/12/2009; 23/QĐ-UBND, 9/01/2015; 171/QĐ-BQL, 26/9/2017	175.093	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	59	59	59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	59	Tất toán tài khoản	
5	Kế chống sét lò xã Bình Thành	2020	2022	57/QĐ-SKHĐT, 28/02/2020	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49	49	49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49	Tất toán tài khoản	
6	Khắc phục sạt lở khu vực địa trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành	2018	2021	1786/QĐ-UBND, 16/11/2018	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	29	29	29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	29	Tất toán tài khoản	
7	Khắc phục sạt lở khu vực địa trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành	2020	2022	613/QĐ-UBND, 16/4/2020	44.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	165	165	165	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	165	Tất toán tài khoản	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025										Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung										Giam	Tăng	Ghi chú				
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung ương			Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu bù tạm ứng ngân sách tỉnh				Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2022			
										CDNS	Tiền sử dụng đất	XS&T		Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu bù tạm ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2022		CDNS	Tiền sử dụng đất	XS&T		Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu bù tạm ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2022									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				42.715	19.519														100	100	100								100			
1	Khu dân cư hạ tầng đường trình tự trên Núi Mầu thuộc Quốc lộ 61, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hòa Giang	2005	2021	Số 2400/QĐ-UBND ngày 29/11/2006	19.519	19.519														9	9	9									9	Tất toán tài khoản	
2	Trụ sở làm việc Trung tâm Quận N, Khai thác và Phát triển quỹ đất tỉnh Hòa Giang (nay là Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hòa Giang)	2010	2013	Số 2539/QĐ-UBND ngày 20/12/2010	23.196																91	91	91									91	Tất toán tài khoản
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				1.461.697	725.285	89.166	89.161			89.161	15		15							84.154	84.139		84.139	15		15			9.287	4.275		
	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				176.914	94.787	27.426	27.411			27.411	15		15							20.182	20.167		20.167	15		15			7.181	237		
1	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh	2017	2020	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	99.996	5.866	1.312	1.312													1.492	1.492		1.492								180	Tất toán tài khoản
2	Trường Tiểu học thị trấn Cây Dương I	2020	2022	296/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	31	31													72	72		72								41	Tất toán tài khoản
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Châu Thành	2020	2022	151/QĐ-SKHĐT, 12/5/2020	12.403	12.403	605	605													621	621		621								16	Tất toán tài khoản
4	Trường tiểu học Vĩ Thủy I	2020	2022	292/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.798	10.798	1.798	1.798													1.298	1.298		1.298								503	
5	Mô hình điểm tích xã dựng Khu di tích lịch sử "Đa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thanh Xuân, huyện Châu Thành A	2020	2022	1907/QĐ-UBND, 31/10/2019	29.731	29.731	18.176	18.176			18.176	10.176									9.185	9.185		9.185								991	
6	Nhà tang lễ tỉnh Hòa Giang và một số hạng mục chức năng khác	2020	2022	1743/QĐ-UBND, 11/10/2019	49.997	12.000	12.015	12.000				15		15							6.615	6.600		6.600	15		15					5.400	
7	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm khu công nghiệp thị xã Lương Sơn	2020	2022	403/QĐ-SKHĐT, 31/12/2019	13.889	13.889	1.489	1.489													859	859		859								560	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				63.000	63.000	61.740	61.740			61.740										59.934	59.934		59.934								1.806	
1	Trường THPT Tây Đô	2021	2023	36/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	14.000	14.000	13.720	13.720				13.720									13.012	13.012		13.012								708	
2	Trường THPT Ngã Sáu	2021	2023	19/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	9.000	9.000	8.820	8.820				8.820									8.648	8.648		8.648								172	
3	Trường THPT Tân Long	2021	2023	16/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	12.000	12.000	11.760	11.760				11.760									11.671	11.671		11.671								89	
4	Trường THPT Lê Hồng Phong	2021	2023	31/QĐ-SKHĐT, 14/01/2021	8.500	8.500	8.330	8.330				8.330									8.107	8.107		8.107								223	
5	Trường THPT Nguyễn Khắc Quang	2021	2023	20/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	7.000	7.000	6.860	6.860				6.860									6.642	6.642		6.642								218	
6	Trường THPT Lương Thế Vinh	2021	2023	11/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	9.000	9.000	8.820	8.820				8.820									8.480	8.480		8.480								340	
7	Trường THPT Nội trú Hàm Lam	2021	2023	51/QĐ-SKHĐT, 09/2/2021	3.500	3.500	3.430	3.430				3.430									3.374	3.374		3.374								56	
	Dự án bổ sung trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				1.221.783	567.508															4.038	4.038		4.038								4.038	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				1.221.783	567.508															4.038	4.038		4.038								4.038	
1	Hệ thống xử lý chất thải y tế tuyến cơ sở	2015	2017	1516/QĐ-UBND, 30/10/2014	26.493	26.493															22	22		22								22	Tất toán dự án
2	Bệnh viện đa khoa TX Vĩ Thủy, tỉnh Hòa Giang	2008	2018	2545/QĐ-UBND, 13/11/2008	165.204																924	924		924								924	Tất toán dự án
3	Sân chơi Trẻ em làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh	2019	2021	465/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	11.974	11.974															124	124		124								124	Tất toán dự án
4	Trung tâm kỹ thuật phát triển công nghệ tỉnh HG	2012	2020	2106/QĐ-UBND, 25/10/2012	80.932	80.932															15	15		15								15	Tất toán dự án
5	Trạm y tế xã Hòa An	2020	2022	173/QĐ-SKHĐT, 12/6/2019	2.000																6	6		6								6	Tất toán dự án
6	Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật và mở các phòng IV, TP Vĩ Thủy	2016	2018	823/QĐ-UBND, 10/6/2015	16.026	1.026															33	33		33								33	Tất toán dự án
7	Trường tiểu học thị trấn Cầu Tắc	2015	2019	1490/QĐ-UBND, 28/10/2014, 951/QĐ-UBND, 12/2/2015	62.437	62.437															305	305		305								305	Tất toán dự án
8	Trạm y tế xã Phú Tân	2019	2020	484/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	7.533	1.503															63	63		63								63	Tất toán dự án

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025										Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung										Giám	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021		Thu hì toán ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021	Thu hì toán ứng ngân sách tỉnh	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2021			
										CDNS	Tiền sử dụng đất	NSKT																		
9	Trường tiểu học thị trấn Trại Láng	2018	2020	2154/QĐ-UBND, 31/10/2017	32.000	32.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	94	94	-	-	94	-	-	-	-	-	-	-	94	Tất toán dự án	
10	Trường THCS Tân Hòa	2018	2020	2155/QĐ-UBND, 31/10/2017	35.000	35.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65	65	-	-	65	-	-	-	-	-	-	-	65	Tất toán dự án	
11	Trường tiểu học Ngõ Sáu	2020	2022	230/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	17	-	-	17	-	-	-	-	-	-	-	17	Tất toán dự án	
12	Trường Cao đẳng cộng đồng HG	2005	2.017	Số 845/QĐ-UBND, 20/5/2010	332.874	196.285	-	-	-	-	-	-	-	-	-	280	280	-	-	280	-	-	-	-	-	-	-	280	Tất toán dự án	
13	Bệnh viện đa khoa huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	2009	2016	1919/QĐ-UBND, 27/8/2008	105.198	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	440	440	-	-	440	-	-	-	-	-	-	-	440	Tất toán dự án	
14	Di dời đường dây điện trung hạ áp và TB&A tại Khu di sản hình Quốc lộ KCN Minh Phú-Hậu Giang	2018	2019	519/QĐ-SKHĐT, 30/11/2018	1.950	1.950	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	8	-	-	8	-	-	-	-	-	-	-	8	Tất toán dự án	
16	Bệnh Viện Lao tỉnh HG	2006	2012	1215/QĐ-UBND, 25/7/2011	96.628	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	909	909	-	-	909	-	-	-	-	-	-	-	909	Tất toán dự án	
17	Khu xử lý nước thải tập trung Cụm TTCN TX Ngã Bảy	2020	2022	402/QĐ-SKHĐT, 31/12/2019	12.500	12.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	9	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	9	Tất toán dự án	
18	Bệnh viện đa khoa huyện Châu Thành	2008	2015	1914/QĐ-UBND, 27/8/2008	127.699	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	638	638	-	-	638	-	-	-	-	-	-	-	638	Tất toán dự án	
19	Bảo quản, nỏ và phục hồi di tích lịch sử Đền thờ Đức Hộ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	2016	2020	1529/QĐ-UBND 30/10/2015	52.602	52.602	-	-	-	-	-	-	-	-	-	47	47	-	-	47	-	-	-	-	-	-	-	47	Tất toán dự án	
20	Khắc phục các điểm sũng và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh	2020	2022	190/QĐ-SKHĐT, 29/6/2020	4.205	4.205	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	9	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	9	Tất toán dự án	
21	Trường THPT Vĩ Thanh	2020	2022	1433/QĐ-UBND, 14/6/2019	35.600	35.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27	27	-	-	27	-	-	-	-	-	-	-	27	Tất toán dự án	
VII	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang				27.910	27.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	207	207	-	-	207	-	-	-	-	-	-	-	207		
B	Dự án bổ sung trung hạn giải đoạn 2021 - 2025				27.910	27.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	207	207	-	-	207	-	-	-	-	-	-	-	207		
	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016 - 2020 sang giải đoạn 2021 - 2025				27.910	27.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	207	207	-	-	207	-	-	-	-	-	-	-	207		
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Trung cấp nghề Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, Hưng mục. Các tạo khối hậu bộ, khối lớp học lý thuyết, hội trường, công trường rửa, xây mới nhà xe, các cơ	2013	2013	163/QĐ-SKH&ĐT, ngày 34/10/2012	2.619	2.619	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	25	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-	25	Tất toán tài khoản	
2	Đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2020 của trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang, Hưng mục. Xóa sổ trung thất bị dọ, nghề năm 2019	2019	2019	1772/QĐ-UBND, ngày 09/11/2018; số 21/QĐ-TTCKTCN, ngày 04/3/2019	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	7	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	7	Tất toán tài khoản	
3	Nâng cấp, sửa chữa trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	2018	2020	251/QĐ-SKH&ĐT, ngày 31/10/2017	4.762	4.762	-	-	-	-	-	-	-	-	-	66	66	-	-	66	-	-	-	-	-	-	-	66	Tất toán tài khoản	
4	Trường Nắm nưc Thực hành tại trường Cao đẳng Công nghệ Hậu Giang	2013	2016	2097/QĐ-UBND, ngày 23/10/2012	18.529	18.529	-	-	-	-	-	-	-	-	-	109	109	-	-	109	-	-	-	-	-	-	-	109	Tất toán tài khoản	
VIII	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang				96.600	96.600	95.600	95.600	-	-	-	-	-	-	-	91.486	91.486	-	-	91.486	-	-	-	-	-	-	-	4.114	-	
	Dự án khởi công mới trung giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				96.600	96.600	95.600	95.600	-	-	-	-	-	-	-	91.486	91.486	-	-	91.486	-	-	-	-	-	-	-	4.114	-	
1	Nâng cấp hệ thống phát thanh - truyền hình Hậu Giang	2021	2024	143/QĐ-UBND, 27/01/2021	96.600	96.600	95.600	95.600	-	-	-	-	-	-	-	91.486	91.486	-	-	91.486	-	-	-	-	-	-	-	4.114	Dự án kết thúc không còn nhu cầu	
IX	Sơ Giáo dục và Đào tạo				106.659	106.659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	476	476	-	-	476	-	-	-	-	-	-	-	476		
	Dự án bổ sung trung hạn giải đoạn 2021 - 2025				106.659	106.659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	476	476	-	-	476	-	-	-	-	-	-	-	476		
	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016 - 2020 sang giải đoạn 2021 - 2025				106.659	106.659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	476	476	-	-	476	-	-	-	-	-	-	-	476		
1	Trường Trung học phổ thông Phú Hòa (phần hữu Trường Trung học phổ thông Ngã Sáu), huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2009	2009	1720/QĐ-UBND, ngày 11/08/2008	10.419	10.419	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	20	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	20	Tất toán dự án	
1	Đầu tư hệ thống hệ nước uống cho các trường tiểu học ban đầu	2020	2021	1157/QĐ-UBND, ngày 30/6/2020	24.721	24.721	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177	177	-	-	177	-	-	-	-	-	-	-	177	Tất toán dự án	
2	Trường THPT Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	2011	2012	2986/QĐ-UBND, ngày 03/11/2009	9.435	9.435	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39	39	-	-	39	-	-	-	-	-	-	-	39	Tất toán dự án	
3	Trường Tiểu học Thuận Hưng 1, xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2010	2011	2983/QĐ-UBND, ngày 19/10/2009	6.455	6.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32	32	-	-	32	-	-	-	-	-	-	-	32	Tất toán dự án	
4	Trung tâm giáo dục Thường xuyên huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	2006	2007	1960/QĐ-UBND, ngày 26/9/2006	3.240	3.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	5	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	5	Tất toán dự án	
5	Trường Trung học cơ sở Vĩ Tân, thị xã Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang	2008	2009	1339/QĐ-UBND, ngày 24/7/2007	3.210	3.210	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	16	-	-	16	-	-	-	-	-	-	-	16	Tất toán dự án	
6	Trường THPT chuyên Vĩ Thanh, thành phố Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang	2011	2012	2580/QĐ-SKHĐT, ngày 27/12/2010	14.997	14.997	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23	23	-	-	23	-	-	-	-	-	-	-	23	Tất toán dự án	
7	Trường tiểu học giáo dục	2017	2018	203A/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2016	14.998	14.998	-	-	-	-	-	-	-	-	-	112	112	-	-	112	-	-	-	-	-	-	-	112	Tất toán dự án	

STT	Đanh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giải quyết đầu tư 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giải quyết đầu tư 2021 - 2025										Kế hoạch trung hạn 5 năm giải quyết đầu tư 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung										Giảm	Tăng	Ghi chú						
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2022	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2023	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2022	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2023																
					Tổng số (tổng các nguồn vốn)															Trung độ NSDP	Trong đó:			Trong đó:						Trong đó:			Trong đó:		
																					CDNS	Tiến so dụng đất	NSKT	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020				Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu vượt NSKT năm 2021	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến độ đầu tư năm 2021	Thu vượt NSKT năm 2021
8	Đầu tư hệ thống lọc nước uống cho 16 điểm trường tại 8 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh	2019	2019	94/QĐ-SKHĐT, ngày 26/03/2019	7.030	7.030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	Tất toán dự án					
9	Trường Trung học phổ thông Hòa An	2020	2020	314/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019	2.889	2.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	Tất toán dự án					
10	Trường THPT Tân Long, huyện Phong Hòa, tỉnh Hậu Giang, hạng mục: Xây mới 03 phòng bộ môn và 04 phòng học	2019	2020	12/QĐ-SKHĐT, ngày 11/01/2019	6.652	6.652	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33	Tất toán dự án					
11	Nâng cấp sân chơi và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Cầu Lộ	2020	2020	308/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019	836	836	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	Tất toán dự án					
12	Nâng cấp sân chơi và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học phổ thông Cầu Lộ	2020	2020	309/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019	613	613	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	Tất toán dự án					
13	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	2019	2019	476/QĐ-SKHĐT, ngày 11/10/2018	999	999	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	Tất toán dự án					
14	Trường THPT Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2019	2019	473/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2018	465	465	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	Tất toán dự án					
N	Công ty Cổ phần cấp nước và VSMT nông thôn Hậu Giang				152.000	152.000	149.130	149.130	-	-	-	-	-	-	-	-	149.130	118.314	-	-	118.314	-	-	-	-	-	-	-	-	30.816					
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				152.000	152.000	149.130	149.130	-	-	-	-	-	-	-	-	149.130	118.314	-	-	118.314	-	-	-	-	-	-	-	-	30.816					
1	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phong Hòa (Công suất 50m³/h)	2021	2023	624/QĐ-LUBND, 30/3/2021	22.000	22.000	21.560	21.560	-	-	-	-	-	-	-	-	21.560	17.415	-	-	17.415	-	-	-	-	-	-	-	-	4.145					
2	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng, huyện Phong Hòa (Công suất 100m³/h)	2021	2023	737/QĐ-LUBND, 19/4/2021	43.000	43.000	42.140	42.140	-	-	-	-	-	-	-	-	42.140	27.256	-	-	27.256	-	-	-	-	-	-	-	-	14.844					
3	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Long Bình, thị xã Long Mỹ (Năng suất 19,40m³/h lên 160m³/h)	2021	2023	736/QĐ-LUBND, 19/4/2021	20.000	20.000	19.600	19.600	-	-	-	-	-	-	-	-	19.600	16.385	-	-	16.385	-	-	-	-	-	-	-	-	3.215					
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh (Năng suất từ 35m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	623/QĐ-LUBND, 30/3/2021	18.000	18.000	17.640	17.640	-	-	-	-	-	-	-	-	17.640	13.891	-	-	13.891	-	-	-	-	-	-	-	-	3.749					
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Thắng, huyện Vị Thới (Năng suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	739/QĐ-LUBND, 19/4/2021	17.000	17.000	16.830	16.830	-	-	-	-	-	-	-	-	16.830	15.966	-	-	15.966	-	-	-	-	-	-	-	-	864					
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phong Phú, huyện Phong Hòa (Năng suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	93/QĐ-SKHĐT, 16/3/2021	15.000	15.000	14.700	14.700	-	-	-	-	-	-	-	-	14.700	14.111	-	-	14.111	-	-	-	-	-	-	-	-	589					
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Phong Bình (Năng suất từ 30m³/h lên 100m³/h)	2021	2023	738/QĐ-LUBND, 19/4/2021	17.000	17.000	16.660	16.660	-	-	-	-	-	-	-	-	16.660	13.250	-	-	13.250	-	-	-	-	-	-	-	-	3.370					
**	CẤP HUYỆN QUAN LÝ				1.186.931	884.427	601.732	577.829	280.194	1.480	296.155	14.759	10.199	4.560	9.135	862	8.273	-	605.914	582.020	278.239	1.480	302.241	14.759	10.199	4.560	9.135	862	8.273	-	66.113	70.394			
1	UBND thành phố Vị Thanh				83.987	83.987	64.393	64.383	31.817	-	-	-	-	-	-	-	53.771	53.771	21.140	-	32.631	-	-	-	-	-	-	-	-	13.707	3.095				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				73.987	73.987	64.383	64.383	31.817	-	-	-	-	-	-	-	53.776	53.776	21.140	-	32.566	-	-	-	-	-	-	-	-	13.707	3.020				
1	Xây dựng cầu Tầu tại khu vực 2 phường 1, thành phố Vị Thanh	2021	2023	3944/QĐ-LUBND, 02/12/2020	7.000	7.000	5.575	5.575	5.575	-	-	-	-	-	-	-	6.640	6.640	6.640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.065				
2	Công viên cây xanh phần tiếp giáp đường Lê Quý Đôn và Khu hành chính thành phố Vị Thanh	2022	2024	1190/QĐ-LUBND, 24/6/2021	33.721	33.721	26.241	26.242	26.242	-	-	-	-	-	-	-	14.509	14.509	14.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.742					
3	Trường THCS Châu Văn Liêm, phường IV, thành phố Vị Thanh	2021	2023	258/QĐ-LUBND, 09/02/2021	23.000	23.000	21.500	21.500	-	-	-	-	-	-	-	-	20.535	20.535	-	-	20.535	-	-	-	-	-	-	-	-	1.963					
4	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, phường IV, thành phố Vị Thanh (mở rộng diện tích đất)	2021	2023	4055/QĐ-LUBND, 07/12/2020	10.266	10.266	10.066	10.066	-	-	-	-	-	-	-	-	12.031	12.031	-	-	12.031	-	-	-	-	-	-	-	-	1.963					
	Dự án bổ sung trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65	65	-	-	65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65	65	-	-	65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65				
1	Đường và cầu kênh Vị Bình, xã Hòa Lưu, thành phố Vị Thanh	2020	2022	1771/QĐ-LUBND, 15/10/2019	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	65	65	-	-	65	-	-	-	-	-	-	-	-	65	Tất toán từ khoản				
II	UBND thành phố Ngã Bảy				288.659	118.659	14.362	5.127	-	-	-	-	-	-	-	-	9.135	862	8.273	-	19.504	10.369	1.172	-	-	-	-	-	-	5.142					
	Dự án trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (đã được giao vốn)				243.809	73.809	14.362	5.127	-	-	-	-	-	-	-	-	9.135	862	8.273	-	15.770	6.435	1.172	-	-	-	-	-	-	1.408					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				243.809	73.809	14.362	5.127	-	-	-	-	-	-	-	-	9.135	862	8.273	-	15.770	6.435	1.172	-	-	-	-	-	-	1.408					
1	Nhà thi đấu Bóng rổ, thành phố Ngã Bảy	2020	2022	1791/QĐ-LUBND, 26/6/2020	14.000	14.000	6.227	5.127	-	-	-	-	-	-	-	-	6.227	6.227	764	-	5.463	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	Thanh toán khoản				
2	Khởi tạo sơ bản chỉnh mới thị xã Ngã Bảy	2014	2018	400/QĐ-LUBND, 01/4/2014	229.809	59.809	9.135	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.135	862	8.273	-	9.543	408	408	-	-	-	-	-	-	408	Thanh toán khoản				
	Dự án bổ sung trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				44.850	44.850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.734	3.734	-	-	3.734	-	-	-	-	-	-	-	-	3.734					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				44.850	44.850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.734	3.734	-	-	3.734	-	-	-	-	-	-	-	-	3.734					
1	Bãi bãi chôn vùi lò hơi kinh Xăng, Thới, phường Ngã Bảy	2019	2020	1602/QĐ-LUBND, 24/10/2018	15.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	763	763	-	-	763	-	-	-	-	-	-	-	-	763	Thanh toán khoản				
2	Kế hoạch quy hoạch khu vực Cầu Cồn (đoạn từ cầu Phụng Hân đến bến Mắm Cỏ)	2020	2022	1696/QĐ-LUBND, ngày 09/10/2019	14.950	14.950	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.482	1.482	-	-	1.482	-	-	-	-	-	-	-	-	1.482	Thanh toán khoản				
3	Đường dẫn vào Khu liên hiệp Kinh Chấn	2020	2022	1781/QĐ-LUBND, ngày 15/10/2019	14.900	14.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.489	1.489	-	-	1.489	-	-	-	-	-	-	-	-	1.489	Thanh toán khoản				
III	UBND thị xã Long Mỹ				67.464	67.464	9.977	4.900	-	-	-	-	-	-	-	-	12.634	7.557	-	-	7.557	5.077	517	4.560	-	-	-	-	4.732	7.389					
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				67.464	67.464	9.977	4.900	-	-	-	-	-	-	-	-	12.634	7.557	-	-	7.557	5.077	517	4.560	-	-	-	-	-	4.732	7.389				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025										Kế hoạch trung hạn 5 năm: giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung										Ghi chú						
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Thu vượt tiến sử dụng đất năm 2020	Thu vượt NSKT năm 2020								
					Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất			Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất																Tiền sử dụng đất		Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất	Tiền sử dụng đất
42	Trường Mầm non Vĩnh Viễn 1	2021	2023	2211/QĐ-LBND, 01/12/2020	5.000	5.000	4.900	4.900		4.900	-	-	4.578	4.578		4.578	-	-	4.578										322					
43	Trường THCS Nà Phình	2021	2023	2209/QĐ-LBND, 01/12/2020	10.500	10.500	10.500	10.500		10.500	-	-	10.405	10.405		10.405	-	-	10.405											95				
44	Trường THCS Lương Tấn	2021	2023	2305/QĐ-LBND, 01/12/2020	6.720	6.720	6.600	6.600		6.600	-	-	6.543	6.543		6.543	-	-	6.543											57				
45	Tuyến lộ đoạn từ Ngã đèo cũ đến Ba Đẽ, ấp 7 xã Thuận Hưng	2021	2023	2059/QĐ-LBND, 14/7/2021	1.140	1.140	1.140	1.140		1.140	-	-	1.119	1.119		1.119	-	-	1.119											21				
46	Tuyến lộ đoạn từ Xóm Cạn đến Ba Quan, ấp 7 xã Thuận Hưng	2021	2023	2059/QĐ-LBND, 14/7/2021	672	672	672	672		672	-	-	647	647		647	-	-	647											25				
47	Tuyến lộ đoạn từ Ba Cẩu đến kênh Long Mỹ 1, ấp 7 xã Thuận Hưng	2021	2023	2060/QĐ-LBND, 14/7/2021	1.192	1.192	1.192	1.192		1.192	-	-	1.119	1.119		1.119	-	-	1.119											73				
48	Tuyến lộ đoạn từ Xóm Răng đến Tư Lâm, ấp 8 xã Thuận Hưng	2021	2023	2061/QĐ-LBND, 14/7/2021	600	600	600	600		600	-	-	597	597		597	-	-	597											3				
49	Tuyến lộ đoạn từ Năm Kéo đến HTN có Thái Lát, ấp 8 xã Thuận Hưng	2021	2023	2062/QĐ-LBND, 14/7/2021	600	600	600	600		600	-	-	594	594		594	-	-	594											6				
50	Tuyến lộ đoạn từ Hải Ngã đến Ba Lưới, ấp 9 xã Thuận Hưng	2021	2023	2063/QĐ-LBND, 14/7/2021	1.128	1.128	1.128	1.128		1.128	-	-	1.064	1.064		1.064	-	-	1.064											64				
51	Tuyến lộ đoạn từ Ba Đẽ đến Bàu Bể, ấp 10 xã Thuận Hưng	2021	2023	2064/QĐ-LBND, 14/7/2021	720	720	720	720		720	-	-	644	644		644	-	-	644											76				
52	Nhà văn hóa ấp 8, xã Vĩnh Viễn A	2021	2023	2065/QĐ-LBND, 14/7/2021	1.000	1.000	1.000	1.000		1.000	-	-	809	809		809	-	-	809											191				
55	Trường THCS Thuận Hưng (giai đoạn 2)	2022	2024	2387/QĐ-LBND, 07/12/2021	2.380	2.380	2.380	2.380		2.380	-	-	10	10		10	-	-	10											2.370				
Dự án bổ sung trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					17.206	17.206	-	-	-	-	-	-	17.206	17.206	11.699	119	5.388	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.206	0		
Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					17.206	17.206	-	-	-	-	-	-	17.206	17.206	11.699	119	5.388	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.206			
1	Tuyến đường vòng Ngã Đưa xã Lương Nghĩa	2023	2025	654/QĐ-LBND, 24/4/2023	11.000	11.000	-	-	-	-	-	-	11.000	11.000	10.881	119	-	-	-											11.000	Nhà dựng nông thôn mới			
2	Tuyến đường giao thông kênh Trục Thàng ấp 6, xã Vĩnh Viễn A	2023	2025	653/QĐ-LBND, 24/4/2023	6.206	6.206	-	-	-	-	-	-	6.206	6.206	818	-	5.388	-	-	-										6.206	Nhà dựng nông thôn mới			
5	UBND huyện Vĩ Thủy				129.703	75.756	54.814	54.814	-	-	-	-	54.796	54.796	-	-	54.796	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.194	1.176				
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					2.000	2.000	13	13	-	-	-	-	1	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		12			
1	Trường Tiểu học Vĩ Bình 2	2020	2022	1572/QĐ-LBND, 24/9/2019	2.000	2.000	13	13		13	-	-	1	1		1	-	-	1												12			
Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					55.561	55.561	54.801	54.801	-	-	-	-	53.619	53.619	-	-	53.619	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		1.182			
1	Trường Tiểu học thị trấn Núi Mào 1	2021	2023	4423/QĐ-LBND, 07/12/2020	7.000	7.000	6.930	6.930		6.930	-	-	6.819	6.819		6.819	-	-	6.819											111				
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Tường	2021	2023	4424/QĐ-LBND, 07/12/2020	240	240	240	240		240	-	-	233	233		233	-	-	233											27				
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩ Thanh	2021	2023	4425/QĐ-LBND, 07/12/2020	500	500	499	499		499	-	-	489	489		489	-	-	489											1				
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩ Thủy	2021	2023	4426/QĐ-LBND, 07/12/2020	500	500	499	499		499	-	-	464	464		464	-	-	464											26				
5	Nâng cấp, sửa chữa niệm anh hùng liệt sỹ	2021	2023	4427/QĐ-LBND, 07/12/2020	700	700	699	699		699	-	-	518	518		518	-	-	518											172				
6	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩ Đông	2021	2023	4429/QĐ-LBND, 07/12/2020	1.400	1.400	1.385	1.385		1.385	-	-	1.365	1.365		1.365	-	-	1.365											20				
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩ Thanh	2021	2023	4430/QĐ-LBND, 07/12/2020	1.400	1.400	1.385	1.385		1.385	-	-	1.365	1.365		1.365	-	-	1.365											20				
8	Trường mẫu giáo Hoa Hồng	2021	2023	4431/QĐ-LBND, 07/12/2020	3.000	3.000	2.970	2.970		2.970	-	-	2.623	2.623		2.623	-	-	2.623											347				
9	Trường mầm non Vĩ An	2021	2023	4432/QĐ-LBND, 07/12/2020	5.000	5.000	4.940	4.940		4.940	-	-	4.906	4.906		4.906	-	-	4.906											34				
10	Trường Tiểu học Vĩ Thanh 2	2021	2023	4433/QĐ-LBND, 07/12/2020	6.536	6.526	6.346	6.346		6.346	-	-	6.170	6.170		6.170	-	-	6.170											176				
11	Trường tiểu học Vĩ Thanh 3	2021	2023	4434/QĐ-LBND, 07/12/2020	4.000	4.000	3.920	3.920		3.920	-	-	3.796	3.796		3.796	-	-	3.796											124				
12	Trường mẫu giáo Vĩ Đông	2021	2023	4435/QĐ-LBND, 07/12/2020	2.760	2.760	2.660	2.660		2.660	-	-	2.657	2.657		2.657	-	-	2.657											3				
13	Trường tiểu học Vĩ Đông 1	2021	2023	554/QĐ-LBND, 19/3/2021	17.535	17.535	17.455	17.455		17.455	-	-	17.375	17.375		17.375	-	-	17.375											80				
14	05 Nhà văn hóa các ấp thị trấn Núi Mào	2021	2023	4440/QĐ-LBND, 07/12/2020	5.000	5.000	4.900	4.900		4.900	-	-	4.859	4.859		4.859	-	-	4.859											41				
Dự án bổ sung trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					82.142	18.195	-	-	-	-	-	-	1.176	1.176	-	-	1.176	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.176			
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					82.142	18.195	-	-	-	-	-	-	1.176	1.176	-	-	1.176	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.176			
1	Trung Tâm y tế huyện Vĩ Thủy	2011	2017	1377/QĐ-LBND ngày 20/08/2011	32.577		-	-	-	-	-	-	58	58		58	-	-	58											58	Tất toán tài khoản			
2	Đường ô tô về trung tâm xã Vĩ Thủy	2011	2014	1463/QĐ-LBND ngày 04/07/2008	24.241		-	-	-	-	-	-	490	490		490	-	-	490											490	Tất toán tài khoản			
3	Trường THCS Vĩ Bình, huyện Vĩ Thủy	2019	2020	2283/QĐ-LBND ngày 27/11/2017	13.947	13.947	-	-	-	-	-	-	233	233		233	-	-	233										233	Tất toán tài khoản				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025												Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung												Giam	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định, hạng, tháng, năm ban hành	TAMĐ	Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Tổng số (tỷ) và tỷ lệ nguồn vốn	Trong đó:			Trong đó:			Dự vãng tồn và dụng cụ năm 2022	Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Tổng số (tỷ) và tỷ lệ nguồn vốn	Trong đó:			Trong đó:			Dự vãng tồn và dụng cụ năm 2023										
								CDNS	Tiền và dụng cụ	XS&T	Tổng số (tỷ) và tỷ lệ nguồn vốn	Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2020	Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2021				Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2022	CDNS	Tiền và dụng cụ	XS&T	Tổng số (tỷ) và tỷ lệ nguồn vốn	Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2020		Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2021	Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2022	Thu vãng tồn và dụng cụ năm 2023							
4	Trường Tiểu học Đồng Phú 1 (nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2104 QĐ-LBND, 27/11/2020	2.000	2.000	1.980	1.980		1.980					1.978	1.978	1.978										2						
5	Trường Tiểu học Đồng Thành 1 (nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2109 QĐ-LBND, 27/11/2020	1.000	1.000	990	990		990					982	982	982										8						
6	Trường Tiểu học Ngã Hữu Hình 1 (Nâng cấp sân chơi và phòng, nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2148 QĐ-LBND, 01/12/2020	3.000	3.000	2.970	2.970		2.970					2.958	2.958	2.958										12						
7	Trường THCS Nguyễn Văn Quỳ (Nâng cấp sân chơi và phòng, nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2108 QĐ-LBND, 27/11/2020	3.000	3.000	2.970	2.970		2.970					2.955	2.955	2.955										15						
8	Trường THCS Đồng Phước A (nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2106 QĐ-LBND, 27/11/2020	2.000	2.000	1.980	1.980		1.980					1.369	1.369	1.369										611						
9	Trường Mẫu giáo Hoàng Dương (nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2103 QĐ-LBND, 27/11/2020	1.000	1.000	990	990		990					948	948	948										43						
10	Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (Nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2107 QĐ-LBND, 27/11/2020	2.500	2.500	2.470	2.470		2.470					2.394	2.394	2.394										76						
11	Trường Tiểu học Phú Hữu 3 (Nâng cấp sân chơi và phòng, nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2110 QĐ-LBND, 27/11/2021	2.500	2.500	2.470	2.470		2.470					2.467	2.467	2.467										3						
12	Trường Mẫu giáo Đồng Phú (nâng cấp sân chơi và trang thiết bị)	2021	2023	2103 QĐ-LBND, 27/11/2020	1.903	1.903	1.883	1.883		1.883					1.778	1.778	1.778										103						
13	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Đồng Thành	2021	2023	2114 QĐ-LBND, 07/07/2021	600	600	600	600		600					565	565	565										35						
14	Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi	2021	2023	2117 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.300	1.300	1.300	1.300		1.300					1.236	1.236	1.236										64						
15	Hệ thống thoát nước Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi A	2021	2023	2116 QĐ-LBND, 07/07/2021	200	200	200	200		200					199	199	199										1						
16	Nhà văn hóa ấp Đồng Lợi B	2021	2023	2115 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.000	1.000	1.000	1.000		1.000					937	937	937										63						
17	Nhà văn hóa ấp Đồng Phú	2021	2023	2152 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.300	1.300	1.300	1.300		1.300					1.263	1.263	1.263										37						
18	Nhà văn hóa ấp Đồng Phú A	2021	2023	2113 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.300	1.300	1.300	1.300		1.300					1.289	1.289	1.289										11						
19	Nâng cấp sân chơi tuyến lộ GTNT ấp Đồng Phú, xã Đồng Phước	2021	2023	2148 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.400	1.400	1.400	1.400		1.400					1.161	1.161	1.161										239						
20	Nâng cấp sân chơi tuyến lộ GTNT ấp Đồng Phú A, xã Đồng Phước	2021	2023	2133 QĐ-LBND, 07/07/2021	1.350	1.350	1.350	1.350		1.350					1.142	1.142	1.142										208						
21	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trí B	2021	2023	2455 QĐ-LBND, 08/07/2021	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500					1.434	1.434	1.434										66						
22	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trí B1	2021	2023	2454 QĐ-LBND, 08/07/2021	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500					1.431	1.431	1.431										69						
23	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Nghĩa	2021	2023	2452 QĐ-LBND, 08/07/2021	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500					1.470	1.470	1.470										30						
24	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Lễ	2021	2023	2457 QĐ-LBND, 08/07/2021	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500					1.445	1.445	1.445										55						
25	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Thành	2021	2023	2456 QĐ-LBND, 08/07/2021	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500					1.423	1.423	1.423										77						
26	Nâng cấp sân chơi Trường THCS Phú Hữu	2021	2023	2341 QĐ-LBND, 07/07/2021	3.000	3.000	3.000	3.000		3.000					2.820	2.820	2.820										180						
27	Nâng cấp sân chơi Trường Tiểu học Ngã Hữu Hình 2	2022	2024	2351 QĐ-LBND, 03/12/2021	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000					1.912	1.912	1.912										88						
28	Nâng cấp mô rừng Trường Tiểu học Phú Hữu 4	2022	2024	2353 QĐ-LBND, 03/12/2021	3.000	3.000	3.000	3.000		3.000					170	170	170										2.830						
Dự án hỗ trợ trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044	5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044						
Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044	5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044						
1	Trường Mẫu giáo Hòa Nhì (Nâng cấp phòng học và các hạng mục phụ trợ)	2023	2025	668 QĐ-LBND, 24/4/2023	5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044	5.044	5.044	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.044	Nâng cấp và NTM nâng cấp					

Phụ lục III



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
	TỔNG SỐ			148.660	4.500	89.600	114.860	26.303	51.563	
*	Điều chỉnh nội bộ			123.400	4.500	89.600	89.600	26.303	26.303	
I	UBND thị xã Long Mỹ			27.760	-	13.880	13.880	13.880	13.880	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			27.760	-	13.880	13.880	13.880	13.880	
1	Trường Mẫu giáo Long Bình	2024	2025	1.100		1.100		1.100		
2	Trường Tiểu học Long Bình	2024	2025	2.780		2.780		2.780		
3	Trung tâm văn hóa xã Long Bình	2024	2025	10.000		10.000		10.000		
4	Đường bờ Tây kênh Sài Gòn	2023	2024	2.070			2.070		2.070	Xã Long Bình
5	Đường bờ Bắc kênh Đình	2023	2024	1.700			1.700		1.700	
6	Đường bờ Đông kênh Giồng Sao	2023	2024	1.800			1.800		1.800	
7	Đường sông Cái (đoạn 1)	2023	2024	4.310			4.310		4.310	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
8	Trường Tiểu học Long Trị A	2023	2024	4.000			4.000		4.000	Xã Long Trị A
II	UBND huyện Vị Thủy			73.800	4.500	64.800	64.800	1.503	1.503	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			73.800	4.500	64.800	64.800	1.503	1.503	
1	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Vị Bình 1	2022	2024	18.000		18.000	17.820	180		
2	Trung tâm Văn hóa xã Vị Bình	2022	2024	3.500		3.500	3.460	40		
3	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 9B	2022	2024	1.600		1.600	1.580	20		
4	Nhà văn hóa ấp 9A1	2022	2024	1.600		1.600	1.580	20		
5	Nhà văn hóa ấp 9A2	2022	2024	1.600		1.600	1.580	20		
6	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 2	2022	2024	1.600		1.600	1.580	20		
7	Trường tiểu học Vị Đông 1	2023	2025	5.000		5.000	4.950	50		
8	Trường tiểu học Vị Đông 4	2023	2025	7.000		7.000	6.930	70		
9	Xây dựng trung tâm văn hóa xã	2023	2025	3.500		3.500	3.460	40		
10	Nhà văn hóa ấp 1	2023	2025	1.400		1.400	1.380	20		
12	Nhà văn hóa ấp 2	2023	2025	1.400		1.400	1.380	20		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
13	Nhà văn hóa ấp 3A	2023	2025	1.400		1.400	597	803		
14	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 4	2023	2025	1.600		1.600	1.580	20		
15	Nhà văn hóa ấp 5	2023	2025	1.400		1.400	1.380	20		
16	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 6	2023	2025	1.600		1.600	1.580	20		
17	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 7	2023	2025	1.600		1.600	1.580	20		
18	Nhà văn hóa ấp 8	2023	2025	1.400		1.400	1.380	20		
19	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Vị Thanh	2022	2024	6.000		6.000	5.940	60		
20	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 7A1	2022	2024	1.600		1.600	1.580	20		
21	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 7B1	2022	2024	2.000		2.000	1.980	20		
22	Đường 9.500 (nam xà no) xã Vị Bình	2021	2023	2.000	1.000		700		700	
23	Đường Cái Đĩa, xã Vị Thắng	2021	2023	7.000	3.500		803		803	
III	UBND huyện Phụng Hiệp			21.840	-	10.920	10.920	10.920	10.920	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			21.840	-	10.920	10.920	10.920	10.920	
1	Trường TH Thạnh Hòa 1	2024	2025	10.920		10.920		10.920		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
2	Trường Mẫu giáo Thanh Hòa	2024	2025	10.920			10.920		10.920	Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn Quốc gia
**	Bổ sung giai đoạn 2021-2025			25.260			25.260		25.260	
I	UBND thành phố Vị Thanh			3.000	-	-	3.000		3.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.000	-	-	3.000		3.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa nền sân Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến (phần mở rộng)	2023	2025	3.000			3.000		3.000	
II	UBND thành phố Ngã Bảy			3.000	-	-	3.000		3.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.000	-	-	3.000		3.000	
1	Lộ Kênh Quê Thụ bờ phải đến Tân Thành	2023	2025	3.000			3.000		3.000	
III	UBND thị xã Long Mỹ			3.260	-	-	3.260		3.260	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.260	-	-	3.260		3.260	
1	Tuyến GTNT Hào Bửu, xã Tân Phú	2023	2025	3.260			3.260		3.260	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
IV	UBND huyện Long Mỹ			3.000	-	-	3.000		3.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.000	-	-	3.000		3.000	
1	Tuyến đường từ Trạm y tế xã đến cầu Quán Tân ấp 4 và ấp 5, xã Vĩnh Thuận Đông	2023	2025	3.000			3.000		3.000	
V	UBND huyện Vị Thủy			3.000	-	-	3.000		3.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.000	-	-	3.000		3.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường kênh 9500 (Bắc Xà No), xã Vị Bình	2023	2025	3.000			3.000		3.000	
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			3.000	-	-	3.000		3.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.000	-	-	3.000		3.000	
1	Tuyến đường Sậy Niều, ấp Lái Hiếu, xã Hiệp Hưng	2023	2025	3.000			3.000		3.000	
VII	UBND huyện Châu Thành			3.500	-	-	3.500		3.500	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.500	-	-	3.500		3.500	
1	Tuyến GTNT Kênh Cái Dầu, ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu	2023	2025	3.500			3.500		3.500	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Giảm	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
VIII	UBND huyện Châu Thành A			3.500	-	-	3.500		3.500	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			3.500	-	-	3.500		3.500	
1	Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nông thôn đoạn từ đê bao Ô Môn Xà No đến Homestay Mường Đình	2023	2025	3.500			3.500		3.500	

Phụ lục IV

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Dvt: Triệu đồng



Stt	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung	Tăng	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ			931	931	931	1.236	305	
V	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	Sở Thông tin và Truyền thông		931	931	931	1.236	305	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.			931	931	931	1.236	305	
1.1	Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự		2022-2024	931	931	931	1.236	305	